

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 29

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Miến nấu thịt heo, nấm kim châm, su su, mướp hương, mồng tơi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng - Mực xào dưa leo, bông cải xanh, ớt chuông đỏ - Canh cua đồng nấu rau ngót, nấm bào ngư
Xế: Nước chanh
Xế chiều: Cháo thịt gà đậu xanh, hạt sen, bí đỏ, đu đủ hương, bắp cải xanh

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối löt	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0038	Miến dong	300	5,390	16,170
9	N0770	Thịt nạc dăm	500	18,800	94,000
10	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
11	0180	Su su	200	3,050	6,100
12	0136	Mướp	200	3,990	7,980
13	0163	Rau mồng tơi	100	4,520	4,520
14	0170	Rau răm	30	4,620	1,386
15	0632	Mực ống	1,200	36,650	439,800
16	0109	Dưa leo (dưa chuột)	200	3,890	7,780
17	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	200	8,610	17,220
18	0143	Ớt chuông đỏ	100	10,400	10,400
19	0100	Cần tây	50	6,510	3,255
20	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
21	0168	Rau ngót	500	5,150	25,750
22	0407	Cua đồng	500	19,430	97,150
23	0215	Chanh	300	6,200	18,600
24	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
25	0059	Đậu xanh	50	6,200	3,100
26	0122	Hạt sen tươi	50	37,170	18,585

27	0085	Bí đỏ (bí ngô)	200	3,360	6,720
28	0115	Đu đủ xanh	200	3,680	7,360
29	0092	Cải bắp	100	5,460	5,460
30	0457	Sữa bột toàn phần	556.5	20,500	114,083
Tổng cộng					1,072,999

Tổng tiền thực phẩm	1,072,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,073,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	1,073,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	1,072,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan